



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

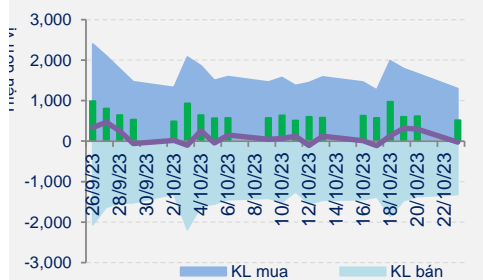
23/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

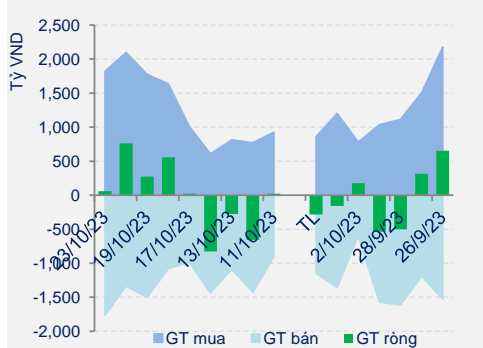
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,093.53	226.26
% Thay đổi	↓ -1.31%	↓ -0.96%
KLGD (CP)	517,609,385	69,239,926
GTGD (tỷ đồng)	12,087.24	1,369.21
Tổng cung (CP)	1,320,050,015	110,920,300
Tổng cầu (CP)	1,295,045,845	96,748,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	63,412,917	2,215,434
KL mua (CP)	45,108,153	939,416
GT mua (tỷ đồng)	1,821.96	39.67
GT bán (tỷ đồng)	1,764.65	40.25
GT ròng (tỷ đồng)	57.31	(0.58)

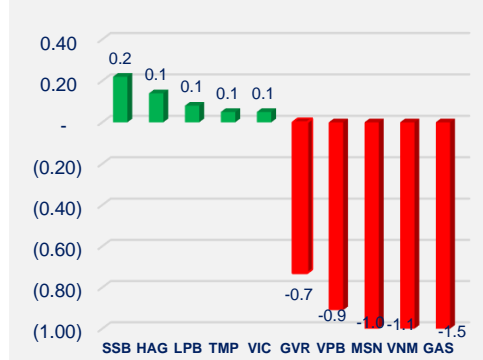
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Với diễn biến giảm điểm chủ yếu trong tuần trước, VN-INDEX chịu áp lực giảm điểm ngay từ đầu phiên, áp lực bán áp đảo duy trì trong cả phiên, thanh khoản suy giảm. VN-INDEX kết phiên giảm 14,50 điểm (-1,31%), về mức 1.093,53 điểm. HNX-INDEX giảm 2,19 điểm (-0,96%) về mức 226,26 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tiêu cực với áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế khi có 498 mã giảm giá (11 mã giảm sàn), 165 mã tăng giá (03 mã tăng trần) và 123 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn chỉ có 13.456,45 tỷ đồng được giao dịch, giảm so với phiên trước, chỉ đạt khoảng 65% so với mức trung bình cho thấy tâm lý thị trường kém tích cực, nhiều mã thanh khoản suy giảm mạnh khi nhà đầu tư cá nhân giảm mạnh giao dịch. Trong khi đó nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch khi thị trường giảm, mua ròng phiên thứ 5 liên tiếp với giá trị 57,31 tỷ đồng trên HOSE; bán ròng nhẹ trên HNX với giá trị 0,58 tỷ đồng.

Ngày 23/10/2023 khai mạc kỳ họp 6, Quốc hội khóa XV. Báo cáo tại phiên khai mạc Thủ tướng Phạm Minh Chính cho biết "Chính phủ nỗ lực phấn đấu, đưa ra nhiều mục tiêu giải pháp để tăng trưởng GDP năm đạt trên 5%, thấp hơn mục tiêu Quốc hội giao (6,5%). Lạm phát khoảng 3,5-4%". Năm 2023, quy mô GDP của nước ta ước đạt khoảng 435 tỷ USD, đưa Việt Nam vào nhóm 40 nền kinh tế hàng đầu thế giới. Chính phủ tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Các giải pháp đưa ra sẽ thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng, gồm đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu.

Với diễn biến kém tích cực của thị trường chung, hầu hết các mã, nhóm điều chịu áp lực điều chỉnh, nhiều nhóm mã luân phiên chịu lực bán mạnh như bán lẻ MSN (-4,35%), MWG (-3,80%), DGW (-3,12%)..., hóa chất CSV (-4,88%), DGC (-3,74%)..., thủy sản ANV (-4,06%), VHC (-3,48%), MPC (-3,30%)... cảng vận tải biển với DXP (-5,38%), VOS (-3,86%), HAH (-3,54%), GMD (-3,28%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh mạnh với tâm lý e ngại tỷ lệ đòn bẩy tăng khi thông tin dư nợ margin tiếp tục tăng lên gần 165 ngàn tỷ đồng trong cuối quý III trong khi điểm số VN-INDEX hầu như không đổi so với cuối quý II, với AGR (-4,11%), VIX (-4,00%), VCI (-3,49%), FTS (-3,15%), VND (-2,76%)... ngoài CTS (+2,16%), WSS (+1,56%), HCM (+0,17%) tăng giá.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng, VN30 cũng có diễn biến tiêu cực với hầu hết chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình như VPB (-2,55%), VIB (-1,63%), OCB (-1,59%), MSB (-1,54%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ với SSB (+1,43%), LPB (+1,03%), EIB (+0,28%)...

Trong khi đó các cổ phiếu bất động sản có diễn biến khá tích cực hơn khi nhiều mã tiếp tục phục hồi, thanh khoản có cải thiện như QCG (+3,24%), SJS (+2,63%), NDN (+1,92%), CEO (+1,50%), DXG (+0,9%)... bên cạnh đa số chịu áp lực bán, thanh khoản giảm với CII (-4,00%), LGL (-3,84%), NVL (-3,26%), L14 (-2,20%), NTL (-2,18%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 kết phiên giảm 12,1 điểm (-1,08%), ở mức 1.104,9 điểm, chênh lệch âm -1,95 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng 10,76% so với phiên trước, trên mức trung bình, thể hiện hoạt động đầu tư trong phiên mạnh khi thị trường biến động. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,95 điểm đến -13,65 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng, cho thấy các trader vẫn chưa lạc quan về xu hướng của VN30, phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Đà giảm của VnIndex vẫn chưa kết thúc khi thị trường tiếp tục đóng cửa giảm điểm trong phiên đầu tuần dù đã có phiên hồi phục tốt cuối tuần trước. Chốt phiên giao dịch VnIndex giảm -14,50 điểm (-1,31%) và đóng cửa ở 1.093,53 điểm. Như vậy VnIndex lại tiếp tục giao dịch bên dưới ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm, tương ứng đáy của đợt điều chỉnh trước và trở lại trên nền tảng tích lũy dài hạn trước đây.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, khả năng hình thành nhịp hồi theo đáy W là khá thấp (vẫn có thể xảy ra nếu VnIndex lấy lại ngưỡng 1.100 điểm trong các phiên tới). Giai đoạn hiện tại rủi ro ngắn hạn là khá cao bởi VnIndex đã mất xu hướng uptrend nên các nhịp hồi kỹ thuật nếu xảy ra cũng thường kết thúc bất ngờ khó dự báo.

Về góc nhìn trung hạn, nếu VnIndex có thể phục hồi sớm lấy lại hỗ trợ 1.100 thì khả năng tích lũy quanh khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm sẽ cao hơn. Ngược lại nếu VnIndex không phục hồi sớm thì cần tính tới khả năng chỉ số sẽ hình thành nền tích lũy mới trong khu vực nền tích lũy trước đây 1.000 điểm - 1.100 điểm, với kịch bản này nền tích lũy lại có thể sẽ cần nhiều thời gian. Khả năng thị trường trở lại downtrend là không cao bởi nền tảng tích lũy dài hạn trước đây khá tin cậy.

Thị trường có nguy cơ không test đáy thành công và phải đi tìm khu vực cân bằng ở vùng điểm số thấp hơn, nhà đầu tư ngắn hạn chưa nên tham gia chừng nào thị trường chưa có tín hiệu phục hồi. Nhà đầu tư trung, dài hạn có thể tiếp tục nắm giữ danh mục đã mua từ đầu sóng theo khuyến nghị, chờ thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PVP	14.25	13-14	17.5-18.2	12	7.9	75.4%	-68.3%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	46.85	46-48	57-59	43	7.1	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	20.20	18.5-20	24-25	17.5	18.3	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	30.40	28-29.5	34-35	27	7.0	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DPM	35.25	38-38.7	44-46	35	5.5	-26.1%	-92.4%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	30.60	26-28	31-32	25	22.6	-11.0%	-34.4%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	39.00	36-38	45-46	33	6.7	-36.3%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
NT2	22.85	20.5-21.5	26-27	19	15.9	-62.4%	-162.2%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tu (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	32.7	25.9	35-37	30	26.3%	Nắm giữ
28/9/23	BSR	20.4	21.7	26-28	20	-5.9%	Nắm giữ
6/10/23	VHM	44.5	45	61-63	43	-1.1%	Nắm giữ
13/10/23	PVP	14.3	14.85	18.2-19	14.5	-4.0%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Xuất khẩu rau quả đạt kỷ lục gần 5 tỷ USD**

Đến cuối tháng 10, xuất khẩu rau quả của Việt Nam ước đạt hơn 4,9 tỷ USD, tăng trên 78% so với cùng kỳ năm ngoái. Kết quả này vượt xa so với kế hoạch hồi đầu năm (4 tỷ USD) và là mức cao nhất từ trước đến nay, theo thông tin Hiệp hội Rau quả Việt Nam vừa công bố.

Lãi suất VND liên ngân hàng tăng mạnh ở các kỳ hạn chủ chốt

Trên thị trường mở tuần từ ngày 16 – 20/10, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chào thầu tín phiếu Ngân hàng Nhà nước với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 55.899,7 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu. Đáng chú ý, lãi suất trúng thầu phiên ngày 19 và 20/10 ở mức 1,45%/năm, tăng 0,5% so với phiên cuối tuần trước đó. Song, số thành viên tham gia và thành viên trúng thầu giảm một nửa.

Thủ tướng: GDP năm 2023 tăng trên 5%

Thủ tướng cho biết GDP năm nay chỉ tăng trên 5%, thấp hơn mức được Quốc hội giao, do nền kinh tế chịu tác động kép chưa từng có, bất chấp các nỗ lực tháo gỡ. Báo cáo trước Quốc hội ngày 23/10, Thủ tướng Phạm Minh Chính cho hay, tăng trưởng GDP 9 đạt 4,24%; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,16% sau 9 tháng. Thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định, mặt bằng lãi suất giảm. Xuất nhập khẩu tăng dần qua các tháng, 9 tháng xuất siêu gần 22 tỷ USD. Tuy vậy, lãnh đạo Chính phủ thừa nhận, kinh tế chịu tác động từ yếu tố bất lợi bên ngoài, hạn chế bên trong kéo dài nhiều năm. Sức cạnh tranh, chống chịu của nền kinh tế còn hạn chế.

Giá xăng bật tăng sau phiên giảm 1.800 đồng/lít

Bộ Công Thương vừa thông báo thay đổi giá bán lẻ xăng dầu trong kỳ điều chỉnh mới. Giá mới được áp dụng từ 15h hôm nay. Cụ thể, giá xăng E5 RON 92 tăng 460 đồng/lít, lên 22.370 đồng/lít; xăng RON 95 tăng 470 đồng/lít, lên 23.510 đồng/lít. Như vậy, giá mặt hàng xăng đã tăng trở lại sau 2 phiên giảm mạnh liên tiếp. Tương tự, giá dầu diesel tăng 80 đồng/lít lên 22.490 đồng/lít. Giá dầu hỏa tăng 290 đồng/lít lên 22.750 đồng/lít; dầu mazut tăng 370 đồng/kg lên 16.610 đồng/kg.

Kiều hối về TP HCM 9 tháng hơn 6,6 tỷ USD

Kiều hối chuyển về TP HCM đạt hơn 6,6 tỷ USD trong 9 tháng, tăng mạnh 40% so với cùng kỳ 2022 và vượt mức cả năm ngoái. Thông tin trên vừa được ông Nguyễn Đức Lệnh, Phó giám đốc Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh TP HCM cho biết. Theo đó, đây là mức cao kỷ lục so với cùng giai đoạn các năm trước. Riêng quý III, kiều hối về TP HCM hơn 2,35 tỷ USD, tăng so với quý II và quý I đầu năm nay. Ông Nguyễn Đức Lệnh cho hay lượng kiều hối chuyển về thành phố tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực, quý sau tăng cao hơn quý trước và duy trì ở mức tăng trưởng khá.



TIN DOANH NGHIỆP

Hóa chất Đức Giang giảm gần nửa lợi nhuận, quý 3 vẫn lãi 761 tỷ

Giống 2 quý đầu năm, CTCP Tập đoàn Hóa chất (HOSE: DGC) tiếp tục chứng kiến quý 3 sụt giảm ở nhiều chỉ tiêu kinh doanh khi đỉnh lợi nhuận đã trôi qua. Tuy nhiên, nếu bỏ qua giai đoạn bùng nổ cách đây hơn 1 năm, khoản lãi ròng Doanh nghiệp có được thực chất vẫn ở mức cao. Cụ thể, trong quý 3/2023, DGC đạt gần 2.5 ngàn tỷ đồng doanh thu, thấp hơn cùng kỳ 33%. Giá vốn cũng giảm 21%, còn hơn 1.6 ngàn tỷ đồng. Sau khi khấu trừ, Doanh nghiệp lãi gộp 840 tỷ đồng, chỉ bằng hơn nửa cùng kỳ.

Imexpharm (IMP) lãi 70 tỷ đồng trong quý III, giảm 25% so với cùng kỳ

CTCP Dược phẩm Imexpharm (mã chứng khoán IMP - sàn HOSE) mới công bố BCTC quý III và lũy kế 9 tháng 2023. Trong quý III, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thuần đạt 467 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm ngoái do Công ty tiếp tục mở rộng thị trường. Giá vốn cũng tăng 16% nên lợi nhuận gộp doanh nghiệp đạt 181 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ. Kết quả, Công ty lãi sau thuế 70 tỷ đồng trong quý III/2023, giảm 25% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, IMP ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.386 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 227 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 28% và 47% so với cùng kỳ năm trước.

Chứng khoán Tiên Phong (TPS) lãi hơn 208 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2023

Lợi nhuận trước thuế (LNTT) quý 3/2023 của TPS đạt 71 tỷ đồng, tăng 10.2% so với quý 2/2023. Lũy kế LNTT của 9 tháng đầu năm 2023 đạt hơn 208 tỷ đồng, hoàn thành hơn 90% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2023. Trong quý 3/2023, TPS tiếp tục nâng cao năng lực huy động vốn thông qua việc phát hành thành công 1,000 tỷ đồng trái phiếu theo hình thức riêng lẻ, duy trì tổng số dư nợ trái phiếu tại 30/9/2023 là 3,000 tỷ đồng.

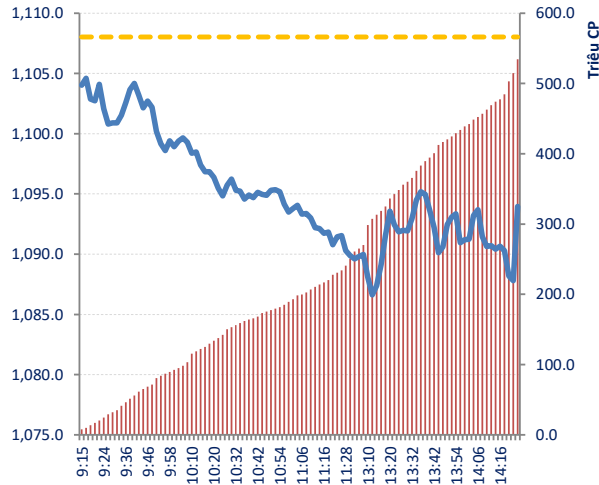
Cao su Phước Hoà (PHR) hoàn thành 96% kế hoạch lãi sau thuế trong 9 tháng

CTCP Cao su Phước Hoà (mã chứng khoán PHR - sàn HOSE) mới công bố BCTC hợp nhất quý III và lũy kế 9 tháng năm 2023. Trong quý III, PHR mang về 452,9 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 13% so với cùng kỳ năm ngoái. Công ty cho biết nguyên nhân chủ yếu do giá bán mủ giảm sâu so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn cũng giảm 16% xuống 304,1 tỷ đồng, dẫn tới lợi nhuận gộp doanh nghiệp giảm 7%, về mức 148,8 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng đầu năm, Cao su Phước Hoà ghi nhận doanh thu thuần đạt 890 tỷ đồng, giảm 21% so với cùng kỳ năm trước; song nhờ doanh thu tài chính tăng mạnh giúp lợi nhuận sau thuế doanh nghiệp vẫn tăng 2% lên 505,3 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 470,9 tỷ đồng.

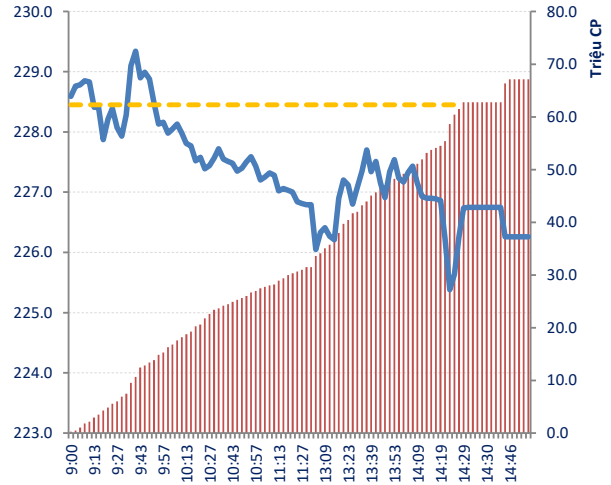


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

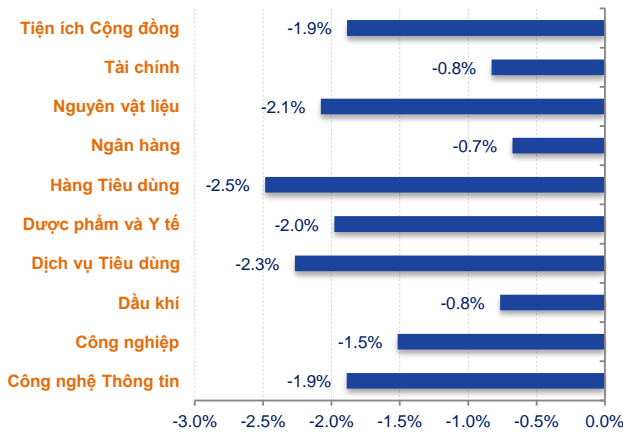
KLGD và VN-Index trong phiên



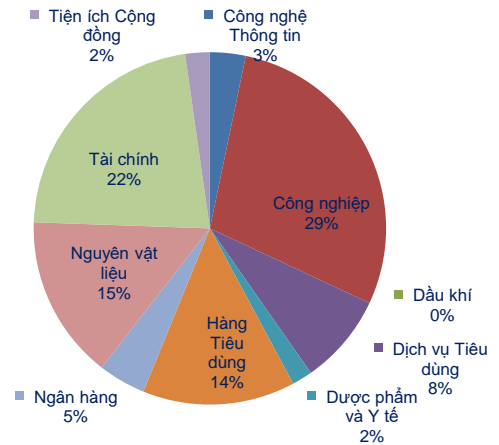
KLGD và HNX-Index trong phiên



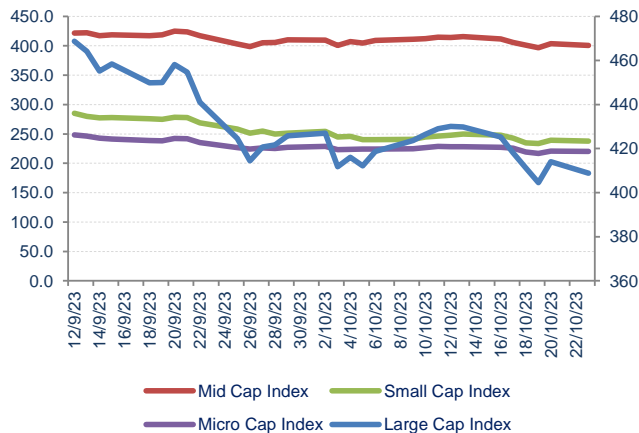
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



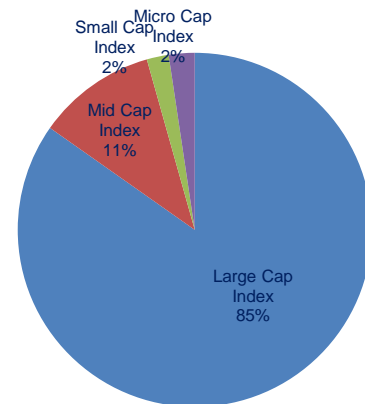
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VHM	23,438,425	VNE	4,320,500	1	IDC	650,100	SHS	1,823,190
2	KBC	864,400	MWG	3,681,270	2	EVS	120,200	HUT	166,000
3	FPT	230,800	VIX	2,792,300	3	VIG	33,300	NVB	50,000
4	KDH	226,200	VND	2,643,680	4	SLS	11,706	PVS	47,100
5	FUEVFVND	222,900	VPB	2,412,500	5	IPA	10,000	DDG	17,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	8.15	8.71	↑ 6.87%	32,713,900	SHS	16.70	16.30	↓ -2.40%	17,653,797
VHM	44.50	44.50	→ 0.00%	31,785,400	CEO	20.00	20.30	↑ 1.50%	12,738,156
VIX	15.00	14.40	↓ -4.00%	20,967,000	PVS	38.90	38.20	↓ -1.80%	5,688,439
DXG	16.75	16.90	↑ 0.90%	16,810,800	HUT	21.60	21.20	↓ -1.85%	4,001,419
VND	19.95	19.40	↓ -2.76%	16,009,900	IDC	49.60	48.80	↓ -1.61%	2,797,833

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
OGC	6.31	6.75	0.44	↑ 6.97%	VLA	25.30	27.80	2.50	↑ 9.88%
HAG	8.15	8.71	0.56	↑ 6.87%	VTC	8.70	9.50	0.80	↑ 9.20%
YEG	15.30	16.35	1.05	↑ 6.86%	CMC	5.70	6.20	0.50	↑ 8.77%
NAV	15.45	16.50	1.05	↑ 6.80%	TKG	5.80	6.30	0.50	↑ 8.62%
LEC	6.80	7.24	0.44	↑ 6.47%	GDW	30.40	33.00	2.60	↑ 8.55%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VMD	21.50	20.00	-1.50	↓ -6.98%	BTW	41.10	37.00	-4.10	↓ -9.98%
VNE	8.03	7.47	-0.56	↓ -6.97%	TKU	11.10	10.10	-1.00	↓ -9.01%
HU1	9.49	8.83	-0.66	↓ -6.95%	VE1	3.50	3.20	-0.30	↓ -8.57%
ABR	17.30	16.10	-1.20	↓ -6.94%	CMS	22.50	20.60	-1.90	↓ -8.44%
CLW	34.00	31.65	-2.35	↓ -6.91%	BST	14.30	13.10	-1.20	↓ -8.39%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	32,713,900	19.9%	1,114	7.3	1.5
VHM	31,785,400	29.1%	10,341	4.3	1.1
VIX	20,967,000	8.2%	1,005	14.9	1.2
DXG	16,810,800	-1.4%	(317)	-	0.7
VND	16,009,900	3.9%	467	42.7	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	17,653,797	4.3%	507	32.9	1.4
CEO	12,738,156	7.7%	883	22.6	1.4
PVS	5,688,439	7.2%	1,953	19.9	1.4
HUT	4,001,419	1.3%	119	181.7	1.9
IDC	2,797,833	20.7%	3,969	12.5	2.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
OGC	↑ 7.0%	9.7%	349	18.1	1.7
HAG	↑ 6.9%	19.9%	1,114	7.3	1.5
YEG	↑ 6.9%	2.4%	607	25.2	0.5
NAV	↑ 6.8%	20.1%	2,773	5.6	1.1
LEC	↑ 6.5%	-4.6%	(726)	-	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLA	↑ 9.9%	4.0%	442	57.3	4.2
VTC	↑ 9.2%	-10.8%	(1,936)	-	0.6
CMC	↑ 8.8%	4.6%	624	9.1	0.4
TKG	↑ 8.6%	3.1%	324	17.9	0.6
GDW	↑ 8.6%	22.0%	4,345	7.0	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	23,438,425	29.1%	10,341	4.3	1.1
KBC	864,400	17.8%	4,373	7.0	1.2
FPT	230,800	22.3%	4,815	19.3	4.2
KDH	226,200	7.5%	1,164	25.9	1.6
FUEVFVND	222,900	N/A	N/A	N/A	N/A

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	650,100	20.7%	3,969	12.5	2.6
EVS	120,200	-4.8%	(551)	-	0.4
VIG	33,300	6.9%	487	15.0	1.0
SLS	11,706	56.2%	53,423	3.5	1.6
IPA	10,000	-1.1%	(205)	-	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	473,955	23.0%	5,797	14.6	2.6
BID	204,870	19.0%	4,025	10.1	1.8
VHM	193,769	29.1%	10,341	4.3	1.1
GAS	191,089	20.3%	5,567	14.9	2.4
VIC	165,334	3.9%	1,395	31.1	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	19,278	1.3%	119	181.7	1.9
PVS	18,593	7.2%	1,953	19.9	1.4
IDC	16,368	20.7%	3,969	12.5	2.6
THD	13,667	2.9%	458	77.5	2.1
SHS	13,580	4.3%	507	32.9	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.94	-0.4%	(63)	-	0.7
DXS	3.13	-0.4%	(65)	-	0.4
VAF	3.02	8.2%	1,036	13.0	1.1
AGM	2.87	-50.2%	(10,382)	-	0.5
VPH	2.80	0.4%	39	188.7	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC2	2.78	3.9%	551	18.3	0.7
AAV	2.48	-1.4%	(169)	-	0.4
VC7	2.44	6.2%	682	29.7	1.8
FID	2.36	-0.4%	(39)	-	0.2
PV2	2.33	1.8%	115	22.6	0.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn